

Các bài văn mẫu Thuyết minh Bình Ngô đại cáo Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

### ***Thuyết minh Bình Ngô đại cáo Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1***

Nguyễn Trãi là một tác gia lớn của nền văn học trung đại Việt Nam. Ông đã để lại cho hậu thế một khối lượng tác phẩm khá đồ sộ. Nhưng đường văn chương của ông dường như cũng chịu chung số phận như con người – phải trải qua bao phen thăng trầm chìm nổi. Trong đó, “Bình Ngô đại cáo” - viết sau đại thắng năm 1427, là bản tổng kết xuất sắc quá trình kháng chiến mười năm, không chỉ thể hiện tinh thần yêu nước bảo vệ độc lập, truyền thống bất khuất chống ngoại xâm, còn đặc biệt nêu cao “chí nhân, đại nghĩa” như một giá trị văn hóa ngời sáng của dân tộc Đại Việt. Với bút lực hào hùng và lời văn truyền cảm mạnh mẽ, tác phẩm đã trở thành một áng “thiên cổ hùng văn”.

Bình Ngô đại cáo là thông báo bằng văn bản và được viết theo bằng văn biên ngẫu, theo thể cáo – thường dùng để thông báo sự kiện quan trọng của quốc gia, dân tộc. Nguyên tác được viết bằng chữ Hán, và được các học giả như Ngô Tất Tố, Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim dịch sang tiếng Việt ngày nay. Tác phẩm có giữ một vị trí quan trọng về phương diện lịch sử lẫn phương diện văn học. Úc Trai đã thừa lệnh Lê Lợi viết tác phẩm vào khoảng đầu năm 1428, khi cuộc kháng chiến chống Minh xâm lược của nghĩa quân Lam Sơn đã thắng lợi, quân Minh buộc phải ký hòa ước, rút quân về nước, nước ta bảo toàn được nền độc lập, hòa bình.

Nhan đề cho thấy đây là bài cáo trọng đại tuyên bố về việc dẹp yên giặc Ngô - một tên gọi hàm ý khinh bỉ căm thù giặc Minh xâm lược. Bài cáo có bố cục chặt chẽ mạch lạc, khắc họa, lên án, tố cáo tội ác của giặc và khẳng định chủ quyền dân tộc. Chính vì vậy, bài cáo xoay quanh các cảm hứng chính sau đây: cảm hứng về chính nghĩa (nhận thức sâu sắc về nguyên lý chính nghĩa và thái độ khẳng định sức mạnh của nguyên lý đó); cảm hứng căm thù giặc xâm lược; cảm hứng về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, về tinh thần quyết chiến quyết thắng của nhân dân Đại Việt; cảm hứng độc lập dân tộc và tương lai đất nước. Với bốn cảm hứng đó, bài cáo thường được chia thành bốn phần tương đương. Phần 1 là nêu luận đề chính nghĩa (Từ đầu đến “chứng cứ còn ghi”). Phần 2 là lên tiếng tố cáo tội ác, vạch trần âm mưu xâm lược Đại Việt với cơ phù Trần diệt Hồ của giặc (tiếp theo phần 1 cho đến “Ai bảo thần dân chịu được”). Phần 3 là quá trình kháng chiến và sự thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn (tiếp theo phần 2 đến “cũng là chưa thấy xưa nay”). Phần còn lại - phần 4 là phần nêu ra bài học lịch sử và sự khẳng định chính nghĩa sẽ thắng thế lực phi nghĩa, bất nhân.

Mở đầu Bình Ngô đại cáo, tác giả Nguyễn Trãi đã nêu nguyên lý chính nghĩa làm chỗ dựa, làm nền tảng xác đáng để triển khai toàn bộ nội dung bài cáo. Tiếp thu từ tinh thần Nho giáo cùng với sự phát triển nội dung nhân nghĩa, Nguyễn Trãi đã nêu ra một luận đề có tính dân tộc:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân  
Quân điều phạt trước lo trừ bạo”

Với Nguyễn Trãi, việc trước hết là “trừ bạo” để nhân dân có được một cuộc sống yên ổn, ấm no, hạnh phúc. Ông cho rằng nếu muốn trị vì thiên hạ thì việc phải nghĩ đến đầu tiên chính là “nhân nghĩa”. Dân tộc ta chiến đấu chống xâm lược là nhân nghĩa, là phù hợp với nguyên lý chính nghĩa. Sau đó, tác giả nêu lên chân lý khách quan về sự tồn tại độc lập của nước Đại Việt, sự tồn tại đó như có cơ sở chắc chắn từ thảng ngày lịch sử:

“N như nước Đại Việt ta từ trước  
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu  
Núi sông bờ cõi đã chia  
Phong tục Bắc Nam cũng khác”

Ở phần 2 – cảm hứng căm thù giặc xâm lược, Nguyễn Trãi đã thể hiện lòng uất hận sục sôi, viết nên một bản cáo trạng đanh thép với một trình tự tư duy logic: vạch trần âm mưu xâm lược, lên án chủ trương cai trị thâm độc, tố cáo mạnh mẽ những hành động tội ác. Qua việc phân tích luận điệu bịp bợm “phù Trần diệt Hồ”, tác giả đi sâu những việc làm phi nhân, diệt chủng:

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn  
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”

Tội ác của chúng được ghi lại bằng cái vô cùng, vô hạn:

“Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội  
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa hết mùi”

Ở phần 3, với nguồn cảm hứng dồi dào, phong phú, Nguyễn Trãi đã khắc họa lại quá trình gian nan, vất vả của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Chính những gian khổ ngày đầu đã dẫn đến thắng lợi về vang về sau. Cảm hứng anh hùng ca bao trùm toàn bộ đoạn trích. Những chiến công thần tích được miêu tả một cách dồn dập. Nhạc điệu trong câu sáng khoái, hào hùng như sóng triều dâng:

“Gươm mài đá, đá núi cũng mòn  
Voi uống nước, nước sông cũng phải cạn.

Đánh một trận, sạch không kình ngạc  
Đánh hai trận, tan tác chim muông”

Và ở phần 4 – phần kết thúc, Nguyễn Trãi đã không giấu được niềm vui chung của dân tộc, thay lời Lê Lợi trịnh trọng tuyên bố nền độc lập lâu dài:

“Xã tắc từ đây vững bền  
Giang sơn từ đây đổi mới  
Kiền khôn bĩ rồi lại thái  
Nhật nguyệt hối rồi lại minh”

Từ đó, ta thấy được viễn cảnh huy hoàng, tươi sáng của non sông xã tắc. Hiện thực hôm nay chính là nhờ những ngày tháng đau thương của quá khứ “Muôn thuở thái bình vững chắc”. Lời kết thúc “Xa gần bá cáo/ Ai nấy đều hay” đã sẻ chia sự vui mừng, niềm tự hào và niềm tin về ngày mai, về tương lai đất nước.

Bài cáo đã thể hiện thành công những đặc sắc về thể loại. Bên cạnh đó, giọng điệu thay đổi linh hoạt trong mỗi phần, khi cao trào uất hận, khi hào hùng dữ dội, khi cuộn cuộn như sóng triều dâng trên đề tài lịch sử - văn học đã để lại những ấn tượng sâu sắc cho người đọc. Sự am hiểu hơn người của Nguyễn Trãi về lịch sử, về điển cố, điển tích đã mang lại tính thuyết phục, hấp dẫn hơn cho tác phẩm.

“Bình Ngô đại cáo” từ khi ra đời đã được xem làm một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc, vừa tố cáo tội ác của giặc Minh vừa khẳng định được độc lập chủ quyền dân tộc. Đã qua bao thăng trầm biến đổi nhưng giá trị của “Bình Ngô đại cáo” vẫn tồn tại cho đến ngày hôm nay và Nguyễn Trãi – nhà quân sự tài ba, nhà chính trị lỗi thời, nhà thơ, nhà văn xuất sắc sẽ mãi mãi được khắc ghi trong lòng mỗi người con nước Việt.

### ***Văn mẫu lớp 10 Thuyết minh Bình Ngô đại cáo mẫu 2***

Nguyễn Trãi là một trong số những tác gia lớn, tiêu biểu của nền văn học Việt Nam với nhiều tác phẩm đặc sắc được viết bằng cả chữ Nôm và chữ Hán. Đọc những tác phẩm của Nguyễn Trãi, người đọc sẽ dễ dàng nhận ra tấm lòng thương dân ái quốc, tình yêu thiên nhiên tha thiết và đặc biệt là tư tưởng thân dân. Và có thể nói “Bình Ngô đại cáo” là tác phẩm thể hiện một cách sâu sắc và trọn vẹn tư tưởng ấy của Nguyễn Trãi.

Tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” ra đời trong một hoàn cảnh rất đặc biệt. Sau khi đánh tan giặc Minh xâm lược, Vương Thông phải chấp nhận giảng hòa và buộc quân Minh phải rút quân về nước, đất nước ta độc lập, sạch bóng quân thù. Trong hoàn cảnh lịch sử ấy, Nguyễn Trãi đã thừa lệnh Lê Lợi viết tác phẩm “Bình Ngô

đại cáo” hay còn gọi là “Đại cáo Bình Ngô” và chính thức công bố trước toàn thể nhân dân vào tháng Chạp, năm Đinh Mùi, tức là vào đầu năm 1428. Tác phẩm ra đời như một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta.

“Bình Ngô đại cáo” được tác giả Nguyễn Trãi viết bằng thể cáo – một thể loại văn học lớn có nguồn gốc từ Trung Hoa. Đi sâu tìm hiểu, khám phá về thể loại văn học này, chúng ta có thể dễ dàng thấy rằng cáo là thể văn được viết bằng chữ Hán, có thể được viết bằng văn xuôi hoặc văn vần nhưng có lẽ phổ biến hơn cả là văn biền ngẫu. Cáo là thể văn thường được vua, chúa hoặc thủ lĩnh dùng để thông báo rộng rãi tới toàn thể mọi người một sự việc hay một vấn đề trọng đại nào đó. Cũng như nhiều thể loại văn học thời cổ khác, cáo cũng đòi hỏi kết cấu chặt chẽ, mạch lạc, lập luận sắc bén và lí lẽ thuyết phục. Và có thể nói, với những đặc điểm của thể cáo nêu trên thì “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi là tác phẩm hội tụ khá đầy đủ và rõ nét những đặc điểm của thể loại văn học này.

Thêm vào đó, bài cáo được chia làm bốn phần, với bố cục mạch lạc, rõ ràng. Đoạn mở đầu của bài cáo đã nêu lên luận đề chính nghĩa để làm cơ sở, nền tảng vững chắc cho bài cáo. Luận đề chính nghĩa ấy chính là sự kết hợp giữa tư tưởng thân dân với độc lập dân tộc:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân  
Quân điều phạt trước lo trừ bạo.

Sau khi nêu lên luận đề chính nghĩa làm cơ sở, trong đoạn hai của bài cáo, tác giả Nguyễn Trãi đã vạch rõ những tội ác man rợ, dã man của kẻ thù. Đó là những hành động sát hại, giết những người dân một cách tàn nhẫn và độc ác “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn/ Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”. Đó còn là những chính sách thuế khóa vô lý, phá hoại môi trường, sự sống, bóc lột tài nguyên thiên nhiên và sức lao động của những người dân vô tội. Tất cả, tất cả những tội ác man rợ ấy của bọn giặc đã được tác giả tái hiện lại một cách chân thực, rõ nét bằng hàng loạt các dẫn chứng sắc sảo, lí lẽ thuyết phục. Đồng thời, trong đoạn thứ hai, tác giả còn làm bật nổi ý chí và lòng căm thù giặc sâu sắc của nhân dân ta. Tiếp đó, trong đoạn thứ ba của tác phẩm, tác giả đã tái hiện lại một cách chân thực, sâu sắc và rõ nét quá trình chiến đấu, chinh phạt với thật nhiều những khó khăn, vất vả và sự thất bại của quân và dân ta. Ban đầu, cuộc chiến đấu của nghĩa quân Lam Sơn gặp phải thật nhiều những khó khăn, thiếu thốn trăm bề – thiếu lương thực, thực phẩm, thiếu nhân lực và có những nghĩa quân của ta ở vào thế yếu “Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần-Khi Khôi Huyện quân không một đội”, “Tuần kiệt như sao buổi sớm-Nhân tài như lá mùa thu”, “lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều”... Nhưng rồi, với sự lãnh đạo tài tình của vị lãnh tụ Lê Lợi và ý chí quyết tâm, sự cố gắng của mình, nghĩa quân và toàn thể nhân dân đã chiến đấu hết sức mình và giành được

thắng lợi vẻ vang “Đánh một trận sạch không kình ngạc-Đánh hai trận tan tác chim muông” và buộc quân Minh từng bước, từng bước một đầu hàng, chấp nhận thua cuộc và rút quân về nước. Trên cơ sở nêu lên luận đề chính nghĩa, vạch rõ tội ác của kẻ thù cũng quá trình chiến đấu của quân và dân ta, đoạn văn khép lại bài cáo chính là lời tuyên bố độc lập, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa. Có thể nói, đoạn cuối cùng của bài cáo đã cất lên lời tuyên bố trịnh trọng về việc kết thúc chiến tranh, khẳng định hòa bình của dân tộc và niềm tin vào tương lai tươi sáng, tốt đẹp cho nhân dân, cho đất nước.

Không dừng lại ở đó, bài cáo còn để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc, người nghe bởi những thành công, hấp dẫn về nghệ thuật. Trước hết, thành công của bài cáo chính là ở việc kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa và hợp lý giữa yếu tố chính luận với yếu tố văn chương với nhiều hình ảnh độc đáo, hấp dẫn, chính điều đó đã làm cho bài cáo để lại nhiều ấn tượng hơn với người nghe. Thêm vào đó, bài cáo còn có giọng điệu hết sức linh hoạt, đa dạng, phù hợp với từng nội dung mà báo cáo thể hiện – tự hào về truyền thống văn hóa, lịch sử ngàn đời của dân tộc, căm phẫn khi vạch rõ tội ác của kẻ thù, trịnh trọng, nghiêm trang khi tuyên bố độc lập.

Tóm lại, “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi là một trong số những tác phẩm xuất sắc của nền văn học Việt Nam. Tác phẩm xứng đáng là áng “thiên cô hùng văn”, là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc Việt Nam anh hùng, bất khuất.

### ***Thuyết minh Bình Ngô đại cáo Văn 10 hay nhất mẫu 3***

Trong “Nước Đại Việt ta” (trích “Bình Ngô đại cáo”) Nguyễn Trãi có viết: “Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau Song hào kiệt đời nào cũng có”.

Từ buổi sơ khai cho đến tận bây giờ có hai thứ thuộc trong ngũ hành luôn là khắc tinh của nhau, đó chính là nước và lửa. Nước tuôn trào mãnh liệt, lửa bùng cháy dữ dội, giữa chúng luôn có sự đối lập gay gắt nên mới có thành ngữ “khác nhau như nước với lửa”.

Dẫu biết rằng nước có thể dập lửa, nhưng khi lửa mạnh cháy lớn, nước lại có hạn thì biết cái nào át cái nào? Tất cả họ là những anh hùng hào kiệt về chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc, là những nhà lãnh đạo những nhà quân sự tài ba. Xét về giáo dục, lịch sử Việt Nam ta phải ghi nhận sự vượt trội về trí tuệ của thầy giáo Chu văn An. Về y học phải nhắc đến Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác hay danh y Tuệ Tĩnh đời Trần. Hào kiệt là những người kiệt xuất, có tài cao chí lớn hơn người. Họ thường giỏi giang hoặc có khả năng đặc biệt trong một lĩnh vực nào đó. Còn khái niệm “mạnh - yếu” ở đây chỉ sự hùng mạnh, hưng thịnh của một đất nước. Chẳng hạn, dưới triều đại nhà Lý nước ta là một cường quốc cỡ Đông Nam á, được các lân

bang nề trọng. Hay dưới thời nhà Trần đất nước ta cũng được xem là nước mạnh vì đã ba lần đánh bại được quân Mông Nguyên nổi tiếng lớn mạnh và tàn bạo. Khoa học có nhà toán học Lương Thế Vinh với “Đại Thành Toán Pháp” hay Lê Quý Đôn, nhà bác học trẻ tuổi. còn về mặt khoa cử, văn hóa có Nguyễn Hiền là người đỗ trạng nguyên nhỏ tuổi nhất Việt Nam. Thế mới biết mạnh yếu là vô chừng, mạnh yếu còn phụ thuộc vào hoàn cảnh phụ thuộc vào thời gian. Đất nước ta cũng vậy, có lúc mạnh nhưng cũng có lúc yếu. Nhưng dù mạnh hay yếu, thời nào dân tộc ta cũng không thiếu những anh hùng hào kiệt. Và anh hùng hào kiệt chính là những người đã làm nên đất nước. Với quan niệm nhân văn đúng đắn và tiến bộ ấy, trong “Nước Đại Việt ta”(trích “Bình Ngô đại cáo”), Nguyễn Trãi đã khẳng định đất nước ta:

“Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau  
Song hào kiệt đời nào cũng có”

Vậy “hào kiệt” là gì? Hào kiệt là những người kiệt xuất, có tài cao chí lớn hơn người. Họ thường giỏi giang hoặc có khả năng đặc biệt trong một lĩnh vực nào đó. Còn khái niệm “mạnh - yếu” ở đây chỉ sự hùng mạnh, hưng thịnh của một đất nước. Chẳng hạn, dưới triều đại nhà Lý nước ta là một cường quốc cỡ Đông Nam Á, được các lân bang nể trọng. Hay dưới thời nhà Trần đất nước ta cũng được xem là nước mạnh vì đã ba lần đánh bại được quân Mông Nguyên nổi tiếng lớn mạnh và tàn bạo. Nhưng cũng không ít khi do vua quan hưởng lạc nên nước ta suy yếu để kẻ thù phương Bắc lăm le dòm ngó. Song đúng như Nguyễn Trãi đã viết trong áng hùng văn của mình là nước ta không đời nào không có anh những anh hùng hào kiệt. Ta có thể nhận thấy điều đó qua thực tế dựng nước giữ nước bốn ngàn năm của dân tộc.

Từ buổi sơ khai lịch sử trước công nguyên, chúng ta đã được nghe nhắc đến những vị nữ nhi nhưng không phé “thường tình”chút nào đó là Bà Trưng, Bà Triệu – những vị anh hùng đã có công đánh đuổi quân thù giành lại độc lập cho đất nước. Hay Ngô Quyền trí dũng song toàn đã từng đại phá quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng lịch sử vào năm 938. Rồi những Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, những Lê Lợi, Nguyễn Trãi mãi mãi được nhắc tên với công lao đánh đuổi quân thù bảo vệ độc lập tự do cho non sông đất nước, tô đậm những nét son hồng trong trang sử vàng của dân tộc. Tất cả họ là những anh hùng hào kiệt về chiến đấu bảo vệ Tô Quốc, là những nhà lãnh đạo những nhà quân sự tài ba. Xét về giáo dục, lịch sử VN ta phải ghi nhận sự vượt trội về trí tuệ của thầy giáo Chu văn An. Về y học phải nhắc đến Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác hay danh y Tuệ Tĩnh đời Trần. Khoa học có nhà toán học Lương Thế Vinh với “Đại Thành Toán Pháp” hay Lê Quý Đôn, nhà bác học trẻ tuổi. còn về mặt khoa cử, văn hóa có Nguyễn Hiền là người đỗ trạng nguyên nhỏ tuổi nhất Việt Nam....

Đó là chuyện xưa, còn ngày nay thì sao? Người xứng đáng để dân tộc ta ngưỡng mộ đầu tiên phải kể đến Hồ Chủ Tịch vĩ đại, người đã chèo lái con thuyền Việt Nam cập bến vinh quang. Không chỉ giỏi về quân sự, Người còn là nhà ngoại giao, nhà báo, nhà văn, nhà thơ được nhiều người nể phục. Trợ thủ đắc lực bên cạnh Bác phải kể đến đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhà quân sự đại tài đã chỉ huy thành công hai cuộc kháng chiến chống Pháp chống Mỹ khiến nhân nhân dân thế giới phải khâm phục nể vì. Trong lĩnh vực y học ta không thể không nhắc tới bác sĩ Tôn Thất Tùng đã thành công trong cấy ghép gan khô và trở thành bác sĩ mổ gan giỏi nhất thế giới. Về lĩnh vực âm nhạc, gần đây ta có nhạc sĩ Trịnh Công Sơn với hơn 600 ca khúc các loại, được mệnh danh là Mô-da của Việt Nam. Rồi những Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, những Lê Lợi, Nguyễn Trãi mãi mãi được nhắc tên với công lao đánh đuổi quân thù bảo vệ độc lập tự do cho non sông đất nước, tô đậm những nét son hồng trong trang sử vàng của dân tộc. Tất cả họ là những anh hùng hào kiệt về chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc, là những nhà lãnh đạo những nhà quân sự tài ba. Xét về giáo dục, lịch sử VN ta phải ghi nhận sự vượt trội về trí tuệ của thầy giáo Chu văn An. Về y học phải nhắc đến Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác hay danh y Tuệ Tĩnh đời Trần.

Thế còn trong thập niên đầu của thế kỷ XXI này thì sao? Chúng ta có quyền tự hào về giáo sư Ngô Bảo Châu, người châu Á thứ hai được nhận giải thưởng danh giá về công trình nghiên cứu toán học.

Những con người có tài cao chí lớn sẽ góp phần làm vẻ vang dân tộc vẻ vang cho đất nước. Điển hình như Trần Hưng Đạo lãnh đạo quân ta đánh bại quân Mông Nguyên lúc bấy giờ đã chiếm gần hết châu Á và đang bành trướng đến Châu Âu, khắp nơi đều in dấu chân của chúng. Nhờ sự kiện đó mà Đại Việt ta được biết đến một cách vẻ vang. Hoặc như Chủ Tịch HCM đã lãnh đạo dân ta đánh bại Thực Dân Pháp, phát xít Nhật, làm rạng danh đất nước. Nhờ công lao thành quả họ đạt được mà hôm nay chúng ta có quyền tự hào. Giáo sư Ngô Bảo Châu trong một lần phát biểu trên truyền hình, ông đã nói rằng ông đi nước ngoài rất nhiều và ông cảm thấy hãnh diện khi cầm trên tay tấm hộ chiếu Việt Nam.

Tuổi trẻ chúng ta muốn giúp ích cho nước nhà thì phải trở thành những con người tài cao chí lớn. Muốn vậy thì ngay từ bây giờ phải ra sức học tập, tìm hiểu những cái mới cho kịp với thời đại. Có như vậy sau này chúng ta mới có thể đóng góp công sức để phát triển nước nhà đưa nước nhà tiến lên “đài vinh quang” sánh vai cùng các cường quốc. Rồi những Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, những Lê Lợi, Nguyễn Trãi mãi mãi được nhắc tên với công lao đánh đuổi quân thù bảo vệ độc lập tự do cho non sông đất nước, tô đậm những nét son hồng trong trang sử vàng của dân tộc. Tất cả họ là những anh hùng hào kiệt về chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc, là những nhà lãnh đạo những nhà quân sự tài ba. Xét về giáo dục, lịch sử

Việt Nam ta phải ghi nhận sự vượt trội về trí tuệ của thầy giáo Chu Văn An. Về y học phải nhắc đến Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác hay danh y Tuệ Tĩnh đời Trần.

Cũng đã 600 năm từ ngày vụ án Lê Chi Viên diễn ra, Nguyễn Trãi đã ra đi trong án oan giết vua, song các tác phẩm của ông sẽ còn sống mãi và điển hình như “Bình Ngô Đại Cáo”. Câu nói “Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có” là hoàn toàn đúng đắn, và cho đến tận ngày nay câu nói đó vẫn giữ nguyên giá trị đúng đắn ban đầu.

### ***Bài văn mẫu lớp 10 Thuyết minh Bình Ngô đại cáo mẫu 4***

Trong dòng văn học ca ngợi truyền thống yêu nước xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam, “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi được đánh giá là ánh “thiên cổ hùng văn”, là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc, được các thế hệ người Việt luôn yêu thích, tự hào.

“Bình Ngô đại cáo” được Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết vào khoảng đầu năm 1428, khi cuộc kháng chiến chống Minh xâm lược của nghĩa quân Lam Sơn đã thắng lợi, quân Minh buộc phải kí hòa ước, rút quân về nước, nước ta bảo toàn được nền độc lập tự chủ, hòa bình. Nguyễn Trãi (1380-1442) là một anh hùng dân tộc, là người toàn tài hiếm có trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam. Ông có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đồng thời cũng là nhà thơ trữ tình sâu sắc, nhà văn chính luận kiệt xuất, là cây đại thụ đầu tiên của văn học trung đại Việt Nam.

Tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” được Nguyễn Trãi viết theo thể cáo, một thể văn có nguồn gốc từ Trung Hoa, viết bằng chữ Hán, thuộc thể văn hùng biện chính luận, có nội dung thông báo một chính sách, một sự kiện trọng đại liên quan đến quốc gia dân tộc, công bố trước toàn dân. Nhan đề tác phẩm có ý nghĩa là bài cáo trọng đại tuyên bố về việc dẹp yên giặc Ngô-một tên gọi hàm ý khinh bỉ căm thù giặc Minh xâm lược. Bài cáo có bố cục chặt chẽ mạch lạc, viết theo lối biền ngẫu, vận dụng thể tứ lục, sử dụng hệ thống hình tượng sinh động, gợi cảm.

Bài cáo gồm bốn đoạn. Đoạn đầu nêu cao luận đề chính nghĩa của cuộc kháng chiến, đó là tư tưởng nhân nghĩa kết hợp với độc lập dân tộc: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân-Quân điều phạt trước lo trừ bạo” và “Như nước Đại Việt ta từ trước-Vốn xưng nền văn hiến đã lâu”. Đoạn thứ hai của bài cáo đã vạch trần, tố cáo tội ác dã man của giặc Minh xâm lược. Đoạn văn là bản cáo trạng đanh thép, tố cáo giặc Minh ở các điểm: âm mưu cướp nước, chủ trương cai trị phản nhân đạo, hành động tàn sát tàn bạo. Đồng thời, đoạn văn cũng nêu bật nỗi thống khổ, khốn cùng của nhân dân, dân tộc ta dưới ách thống trị của kẻ thù: “Nướng dân đen trên ngọn lửa



hung tàn-Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”; “Dối trời, lừa dân, đủ muôn nghìn kế-Gây binh kết oán, trải hai mươi năm”. Đoạn văn ngắn gọn ý chí căm thù giặc và thống thiết nỗi thương dân lâm than. Đoạn văn thứ ba là đoạn dài nhất của bài cáo, có Ý nghĩa như bản anh hùng ca về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đoạn văn đã tổng kết lại quá trình khởi nghĩa. Ban đầu cuộc khởi nghĩa gặp nhiều khó khăn, lương thảo, quân sĩ, người tài đều thiếu, nghĩa quân ở vào thế yếu “Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần-Khi Khôi Huyện quân không một đội”, “Tuần kiệt như sao buổi sớm-Nhân tài như lá mùa thu”, “lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều”... Nhưng nghĩa quân có người lãnh tụ Lê Lợi sáng suốt, bền chí, yêu nước “Ngẫm thù lớn há đội trời chung-Căm giặc nước thề không cùng sống”, biết đoàn kết lòng dân “Sĩ tốt một lòng phụ tử-Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”, dùng chiến thuật phù hợp nên nghĩa quân Lam Sơn ngày một trưởng thành “Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh” và ngày càng chiến thắng giòn giã, vang dội “Đánh một trận sạch không kình ngạc-Đánh hai trận tan tác chim muông”, giặc Minh thì liên tiếp thất bại, thất bại sau lại càng thảm hại hơn thất bại trước, mỗi tên tướng giặc bại trận lại có vết nhục nhã riêng: kẻ treo cổ tự vẫn, kẻ quỳ gối dâng tờ tạ tội, kẻ bị bêu đầu... Đoạn văn thứ ba của bài cáo cũng ca ngợi lòng nhân đạo, chuộng hòa bình của nhân dân, dân tộc ta, tha sống cho quân giặc đã đầu hàng, lại cấp cho chúng phương tiện, lương thảo về nước. Đoạn cuối của bài cáo đã tuyên bố trịnh trọng về việc kết thúc chiến tranh, khẳng định nền độc lập, hòa bình vững bền của đất nước, thể hiện niềm tin vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

Bài cáo có sự kết hợp hài hòa, hiệu quả giữa yếu tố chính luận sắc bén với yếu tố văn chương truyền cảm, kết hợp giữa lí luận chặt chẽ và hình tượng nghệ thuật sinh động. Cảm hứng nổi bật xuyên suốt tác phẩm là cảm hứng anh hùng ca hào hùng sôi nổi, mãnh liệt. Giọng điệu của bài cáo rất đa dạng, khi tự hào về truyền thống văn hóa, anh hùng lâu đời của dân tộc, khi thì căm phẫn sục sôi trước tội ác của kẻ thù, khi thống thiết xót thương trước nỗi đau lâm than của nhân dân, khi lo lắng trước những khó khăn của cuộc kháng chiến, khi hào hùng ngợi ca chiến thắng, khi trịnh trọng tuyên bố độc lập của dân tộc, đất nước.

“Đại cáo bình Ngô” của Nguyễn Trãi là bản anh hùng ca ca ngợi chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta thế kỉ XV. Tác phẩm vừa có giá trị lịch sử, vừa có giá trị văn học, không chỉ lưu giữ những sự kiện lịch sử mà còn lưu truyền lòng yêu nước tự hào dân tộc đến các thế hệ người Việt Nam. Mỗi người dân Việt Nam ngày nay đều hào sảng trước những câu văn hùng hồn:

“Như nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,

Song hào kiệt đời nào cũng có...”

Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu

Phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu là một tác phẩm tiêu biểu của văn học yêu nước thời Lí- Trần.

Trương Hán Siêu (?- 1354) là nhà văn đời Trần, quê ở Ninh Bình. Thời trẻ, ông từng là môn khách của Trần Hưng Đạo, là người có ít nhiều đóng góp trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên-Mông lần thứ hai và thứ ba. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều Trần, là người học vấn uyên thâm, tính tình cương trực, được các vua Trần tôn là thầy, được các nho sĩ đời sau xem là một trí thức nho học chân chính của thời Thịnh Trần. Tác phẩm của ông bộc lộ tinh thần yêu non sông đất nước, tự hào về truyền thống vẻ vang của lịch sử dân tộc, đượm sắc thái trữ tình hoài cổ. Ngôn ngữ trong văn chương của Trương Hán Siêu tinh tế, lắng đọng, sử dụng thành công những hình dung từ giàu sắc thái trữ tình, giọng điệu thi phú rất uyển chuyển.

Bài “Phú sông Bạch Đằng” được sáng tác sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông khoảng 50 năm. Bạch Đằng là con sông ghi dấu nhiều chiến công oanh liệt của dân tộc như trận thắng quân Nam Hán năm 938 của Ngô Quyền, trận thắng quân Nguyên Mông năm 1288 của Trần Hưng Đạo. Đã có rất nhiều nhà thơ viết về con sông lịch sử đầy niềm tự hào này, nhưng bài “Phú sông Bạch Đằng” của Trương Hán Siêu là nổi tiếng và đặc sắc nhất. Tác phẩm được viết theo lối phú cổ thể. Đây là một thể loại văn có nguồn gốc từ Trung Quốc, viết bằng văn vần hoặc văn xuôi có xen lẫn văn vần, có nội dung kể, tả khách quan các sự việc, phong tục, cảnh vật, bàn sự đời.

Bài “Phú sông Bạch Đằng” có hai nhân vật là khách và các bô lão. Khách trong tác phẩm là người có chí bốn phương, thích du ngoạn, ngắm cảnh, bồi bổ kiến thức “Đàm Vân Mộng chứa vài trăm trong dạ cũng nhiều”. Khách bơi thuyền đến sông Bạch Đằng, được gặp các bô lão, được các bô lão kể cho nghe về chiến công oanh

liệt của tướng quân nhà Trần năm nào khiến cho “Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ-  
Bầu trời đất chừ sắp đổi” với ‘Thuyền bè muôn đội, tinh kì phấp phới-Hùng hổ sáu  
quân, giáo gươm sáng chói”. Khách và các bộ lão bình luận về tâm vóc của chiến  
thắng, rút ra những nguyên nhân thắng lợi và ca ngợi sự tài tình, nhân đức của các  
vua Trần cùng tướng quân Trần Quốc Tuấn:

Anh minh hai vị thánh quân,

Sông đây rửa sạch mấy lần giáp binh.

Giặc tan muôn thừa thanh bình,

Bởi đâu đất hiểm, cốt mình đức cao

“Phú sông Bạch Đằng” là bài phú tiêu biểu bộc lộ lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự  
hào về truyền thống anh hùng, truyền thống nhân nghĩa sáng ngời của đất nước ta.  
Bài phú còn thể hiện tinh thần nhân văn cao đẹp, tâm sự hoài cổ tha thiết của tác  
giả. Tác phẩm có cấu tứ đơn giản, lời văn linh hoạt, hình tượng nghệ thuật sinh  
động, từ ngữ gợi hình sắc, giọng điệu hào hùng trang trọng, có lúc lắng đọng gợi  
cảm, lúc lại triết lí sâu xa. Tác phẩm được đánh giá là đã đạt đến đỉnh cao của nghệ  
thuật phú của văn học trung đại Việt Nam.

### ***Văn mẫu Thuyết minh Bình Ngô đại cáo Văn 10 mẫu 5***

Nguyễn Trãi là một nhà quân sự lỗi lạc, một nhà quân sự tài ba, không những thế  
ông còn là một nhà thơ, nhà văn kiệt xuất của cả dân tộc. Nguyễn Trãi đã để lại  
cho nền văn học nước nhà một khối lượng tác phẩm đồ sộ, trong số đó phải kể đến  
“Bình Ngô đại cáo”. Đây là bài cáo mà Nguyễn Trãi viết thay vua Lê Thái Tổ để  
tuyên cáo rộng rãi trong nhân dân về quá trình kháng chiến và thắng lợi của cuộc  
khởi nghĩa Lam Sơn.

Về mặt cấu trúc, tác phẩm có thể chia thành bốn phần. Phần 1 là nêu luận đề chính  
nghĩa (Từ đầu đến “chúng có còn ghi”), phần 2 là phần tố cáo tội ác, vạch trần âm  
mưu xâm lược Đại Việt với cờ phũ Trần diệt Hồ của giặc (Tiếp theo phần 1 đến  
“Ai bảo thần dân chịu được”), phần 3 là quá trình kháng chiến và sự thắng lợi của  
khởi nghĩa Lam Sơn (Tiếp theo phần 2 đến “cũng là chưa thấy xưa nay”), phần 4 là  
phần nêu ra bài học lịch sử và sự khẳng định chính nghĩa sẽ thắng phi nghĩa (phần  
còn lại).

Ở phần mở đầu tác giả nêu lên triết lí về nhân nghĩa, một triết lí có giá trị lịch sử và  
tâm vóc của thời đại. Trong thơ Nguyễn Trãi, vấn đề “nhân nghĩa” không đơn giản

chỉ là sự yêu thương giúp đỡ lẫn nhau mà nó đã được nâng lên và thể hiện trong hành động cụ thể:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân  
Quân điều phạt trước lo trừ bạo”

Đối với Nguyễn Trãi, việc trước hết là “trừ bạo” để nhân dân có được một cuộc sống yên ổn, ấm no, hạnh phúc. Ông cho rằng nếu muốn trị vì thiên hạ thì việc phải nghĩ đến đầu tiên chính là “nhân nghĩa”. Những câu thơ tiếp theo tác giả muốn nói về nước Đại Việt của chúng ta:

“Nhu nước Đại Việt ta từ trước  
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu

...

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau  
Song hào kiệt đời nào cũng có”

Trong những câu thơ trên Nguyễn Trãi cho rằng “nhân nghĩa” đã có từ lâu đời ở nước ta, đồng thời khẳng định chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc được thể hiện ở việc núi sông bờ cõi đã được phân chia rõ ràng. Vì đã được phân chia nên việc hình thành những phong tục tập quán cũng có nhiều khác biệt tuy nhiên vẫn có điểm chung là sự tôn tại song song của các triều đại lịch sử. Lời thơ như một lần khẳng định lại nội dung của “Nam quốc sơn hà” – được coi như bản tuyên ngôn đầu tiên của dân tộc:

“Sông núi nước Nam vua Nam ở  
Rành rành định phận tại sách trời  
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm  
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”

Chính vì đã có những hành động xâm chiếm nước ta nên họ phải chuốc lấy hậu quả:

“Lưu Công tham công nên thất bại  
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong  
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô  
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã”

Những kết cục như thế này đều tự do chính họ chuốc lấy vì thông qua bài tuyên ngôn đầu tiên đã như một lời cảnh cáo nhưng họ vẫn cố tình thực hiện.

Ở phần thứ hai, tác giả đã nêu ra những tội ác của giặc và vạch rõ bộ mặt thật của giặc đằng sau lớp vỏ ngụy tạo “phù Trần diệt Hồ”:

Từ việc:

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn  
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”

Cho đến việc chúng bắt nhân dân phải xuống biển mò ngọc trai lên rừng sâu đi cát tìm vàng, phải đối mặt với “rừng thiêng nước độc” và muôn vàn khó khăn nguy hiểm, rồi đến sưu thuế chồng chất, phu phen lao dịch nặng nề. Chúng hành hạ nhân dân ta đủ mọi đường “thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán”, sự độc ác và tàn nhẫn khiến tác giả phải thốt lên:

“Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội  
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi”

Giữa lúc ấy, nghĩa quân Lam Sơn đã dấy lên tinh thần yêu nước và tiến hành cuộc khởi nghĩa:

“Núi Lam Sơn dấy nghĩa  
Chôn hoang dã nương mình  
Ngã thù lớn há đội trời chung  
Căm giặc nước thề không cùng sống”

Căm phẫn trước tội ác của giặc, bóc lột nhân dân đủ đường khiến nhân dân lầm than cực khổ khiến người lãnh đạo là Lê Lợi và nghĩa quân mất ăn, mất ngủ, quyết tâm chiến đấu với tất cả tinh thần vì độc lập nước nhà:

“Căm giặc nước thề không chung sống  
Đau lòng nhức óc chốc đà mười mấy năm trời  
Ném mật nằm gai há phải một hai sớm tối  
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh”

Tinh thần và lòng quyết tâm đã dâng cao như núi nhưng chỉ còn lo một nỗi về việc tìm kiếm “nhân tài” và “hào kiệt”, đây là một việc khó vì theo tác giả:

“Hào kiệt như sao buổi sớm  
Nhân tài như lá mùa thu”

Trong khi đó, nghĩa quân vừa dấy quân khởi nghĩa vẫn còn non nớt, thiếu thốn về mọi mặt như lương thực “Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần”, quân sĩ “Lúc Khôi Huyện quân không một đội”, còn quân thù thì đang rất mạnh, đây chính là khó khăn của chúng ta và cách khắc phục duy nhất chính là sự đồng lòng của toàn bộ nghĩa quân “Tướng sĩ một lòng phụ tử/ Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”.

Dưới sự lãnh đạo tài tình của Lê Lợi “lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều” và triết lí “Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn/ Lấy chí nhân để thay cường bạo” cùng với sự dũng cảm, gan dạ của binh sĩ, nghĩa quân Lam Sơn ngày một trưởng thành và lớn mạnh “sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh”, kết quả là nghĩa quân giành được nhiều chiến thắng vang dội “Đánh một trận sạch không kình ngạc/ Đánh hai trận tan tác chim muông”, còn giặc Minh thì phải chấp nhận những thất bại liên tiếp và những tên tướng đều có kết thúc thật bi thảm:

“Ngày mười tháng tám, trận Chi Lăng  
Liễu Thăng thất thế  
Ngày hai mươi, trận Mã Yên  
Liễu Thăng cụt đầu  
Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong  
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kể tự vẫn”

Tác giả đã ghi lại chi tiết từng mốc thời gian như những mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc nhưng lại là vết nhơ, nỗi nhục nhã đối với giặc Minh.

Mặc dù tội ác của giặc mãi mãi không thể rửa sạch nhưng quân ta vẫn trợ cấp cho giặc để về nước khi đã bại trận:

“Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền  
Ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc  
Vương Thông, Mã Anh phát cho vài nghìn cỗ ngựa  
Về đến nước mà vẫn tim đập chân run”.

Hành động này thể hiện truyền thống nhân nghĩa từ lâu đời của dân tộc ta, một lần nữa khẳng định lời của Nguyễn Trãi:

“Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn  
Lấy chí nhân để thay cường bạo”

Phần cuối của tác phẩm đã nêu ra bài học lịch sử quý báu về ý thức độc lập chủ quyền và vấn đề nhân nghĩa, đồng thời khẳng định sự thắng lợi của cuộc chiến tranh chính nghĩa:

“Xã tắc từ đây vững bền  
Giang sơn từ đây đổi mới  
...  
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông  
Linh thiêng đã lặng thầm phù trợ”

“Bình Ngô đại cáo” có ý nghĩa như một bản Tuyên ngôn độc lập của dân tộc, vừa tố cáo tội ác của giặc Minh vừa khẳng định được độc lập chủ quyền dân tộc, là minh chứng hùng hồn cho cuộc chiến thắng của nhân dân ta. Đã một thời gian dài trôi qua, nhưng giá trị của bài cáo vẫn tồn tại vĩnh hằng và Nguyễn Trãi – nhà quân sự tài ba, nhà chính trị lỗi thời, nhà thơ, nhà văn xuất sắc sẽ sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

### ***Bài làm văn mẫu 10 Thuyết minh Bình Ngô đại cáo mẫu 6***

Bình ngô đại cáo được Nguyễn Trãi sáng tác năm 1428, khi quân ta giành thắng lợi trước quân Minh, dưới ngọn cờ lãnh đạo của nghĩa quân Lam Sơn và chủ tướng Lê Lợi. Sau thắng lợi, Lê Lợi đã lên ngôi hoàng đế và bắt tay vào xây dựng vương triều của mình. Việc đầu tiên sau khi lên ngôi, đó là truyền lệnh cho Nguyễn Trãi soạn thảo văn bản “Bình ngô đại cáo” để tuyên bố với toàn dân rằng cuộc khởi nghĩa gian nan cuối cùng cũng kết thúc thắng lợi, kể từ đây nhân dân sẽ bước vào một cuộc sống mới, tự do, độc lập. Bình ngô đại cáo là một áng văn chính luận xuất sắc, là một áng “thiên cổ hùng văn” của nền văn học dân tộc.

Trong “Bình ngô đại cáo” Nguyễn Trãi rất đề cao tư tưởng thân dân, theo ông, một quốc gia muốn trường tồn, thịnh vượng, thì yếu tố căn cốt nằm ở người dân. Người dân có thể đẩy thuyền nhưng cũng có thể lật thuyền. Vì vậy, ngay câu thơ đầu, Nguyễn Trãi đã đề cập đến tư tưởng thân dân vừa như khẳng định vai trò của dân, vừa như lời nhắc nhở tể nhị đến bậc quân vương, việc nhân nghĩa luôn luôn được dân chúng nhắc đến, và những người đứng đầu đất nước luôn luôn phải có trách nhiệm với dân với chúng, trước hết phải biết lo cho dân cho chúng, lo trừ đi bạo ngược để giữ cho đất nước ngày càng phát triển mạnh mẽ và có giá trị to lớn hơn, những người luôn luôn biết lo cho dân yêu dân như con, điều đó để lại cho dân tộc những điều có ý nghĩa mạnh mẽ nhất, khi mỗi chúng ta đều hưởng được một nền thái bình thịnh trị:

“Tùng nghe

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điều phạt trước lo trừ bạo”

Quốc gia muốn trường cửu thì phải “yên dân”, tức là phải chăm lo đến cuộc sống của người dân. Trách nhiệm của triều đình, của “quân điều phạt” là phải “lo trừ bạo”, diệt trừ mọi mối đe dọa đến cuộc sống của người dân. Nền văn hiến của dân tộc Việt Nam luôn luôn được cải thiện và giữ gìn mỗi ngày. Trong các tác phẩm thơ ca, nó cũng nhấn mạnh điều đó, dân quốc đã có từ xưa đến nay, nền văn hiến cũng luôn luôn được giữ gìn và nâng cao trên nền mỗi ngày. Giá trị của nó để lại

cho dân tộc ta cũng vô cùng có giá trị. Nền văn hiến của dân tộc đã khẳng định từ trước tới nay, nó luôn mang những giá trị vẻ vang cho dân tộc của mình, mỗi khi các giá trị đó được cải tạo là làm cho văn học nước nhà được củng cố và nâng cao lên mỗi ngày, những định giới của Việt Nam luôn luôn được cải thiện và nâng cao mỗi ngày, nó luôn trở thành một giá trị vô giá và để lại cho dân tộc Việt Nam những điều có ý nghĩa to lớn, khi những giới hạn biên giới đó đã được khẳng định từ trước tới nay, phong tục của hai miền cũng luôn luôn được phân định rõ ràng:

“Nhu nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu

Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác

Đến những câu thơ tiếp theo, Nguyễn Trãi đã khẳng định ranh giới lãnh thổ bờ cõi, cùng với đó là sự tự hào về truyền thống văn hiến lâu đời của dân tộc “Đã xưng nền văn hiến đã lâu”. “Văn hiến”, “phong tục” là những dẫn chứng nhà thơ đưa ra để tăng thêm tính thuyết phục của lời khẳng định. Đại Việt là một quốc gia độc lập, có ranh giới, lãnh thổ riêng. Trên mảnh đất ấy, con người Đại Việt đã sinh sống, hình thành nên những phong tục, những nền văn hiến mang bản sắc của dân tộc mình. Các đời vua từ xưa đến nay, luôn luôn xưng nền độc lập, không có thể bỏ qua những quân thù mà phải sánh vai với cường quốc năm châu, cần phải tạo nên những giá trị có ý nghĩa và có tầm quan trọng đặc biệt cho đất nước của mình, dù có chênh lệch lực lượng đi chăng nữa thì chúng ta cần phải dốc hết lòng để bảo vệ cho đất nước của mình. Thời nào cũng luôn thấy xuất hiện những vị anh hùng của dân tộc điều đó tạo nên những giá trị có ý nghĩa và vẻ vang nhất, song mỗi người luôn luôn biết quyết tâm để bảo vệ đất nước và dân tộc của mình:

“Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau

Song hào kiệt đời nào cũng có”

Nếu câu thơ trên nhà thơ khẳng định một cách rõ ràng về chủ quyền lãnh thổ cùng với niềm tự hào về văn hiến lâu đời thì trong những câu thơ này, nhà văn thể hiện niềm tự hào về truyền thống đấu tranh, truyền thống anh hùng của dân tộc. Nhà văn khẳng định Việt Nam có nền độc lập riêng, nền độc lập ấy được xây dựng bởi



bao đời vua từ Triệu, Đinh, Lí, Trần. Vì vậy cùng với Trung Quốc, Việt Nam hoàn toàn bình đẳng, vì vậy kẻ thù không có quyền xâm phạm. Nguyễn Trãi thể hiện tinh thần dân tộc, lòng tự hào sâu sắc khi đặt Đại Việt sánh ngang với các triều đại Trung Quốc: “Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”. Trong quá trình dựng nước và giữ nước, tuy có những thăng trầm “mạnh yếu từng lúc khác nhau”, nhưng nhà thơ cũng khẳng định “hào kiệt đời nào cũng có”. Đó là những trang nam tử, những người anh hùng, khi mà đất nước lâm nguy, họ sẵn sàng đứng lên, dốc sức bảo vệ tổ quốc.

“Cho nên

Lưu Cung tham công nên thất bại

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong

Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô

Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã

Việc xưa xem xét

Chứng cứ còn ghi”

Vì cố tình xâm phạm vào quốc gia có chủ quyền, có nền độc lập nên những kẻ xâm lược đã phải gánh chịu hậu quả vô cùng thảm trọng. Lưu Cung, Triệu Tiết, Ô Mã, Toa Đô đều là những danh tướng chỉ huy quân đội, họ là những tên tướng cầm đầu đội quân xâm lược, vì bất chấp luân lí xâm phạm Đại Việt mà chúng đã nhận lấy những thất bại cay đắng. Nguyễn Trãi cũng sử dụng hệ thống các động từ để diễn tả sự thất bại ê chề này: “thất bại”, “tiêu vong”, “bắt sống”, “giết”. Bên cạnh việc chỉ ra những thất bại của quân giặc, Nguyễn Trãi cũng nêu lên những thắng lợi vang dội của quân dân Đại Việt như trận ở Hàm Tử, chiến thắng trên sông Bạch Đằng. Những dẫn chứng mà nhà thơ nêu đều căn cứ vào sự thực lịch sử “chứng cứ còn ghi”, vì vậy mà không thể chối cãi.

“Vừa rồi

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà

Đề trong nước lòng dân oán hận

Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa

Bọn gian tà bán nước cầu vinh

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ dưới hầm tai vạ”

Nguyễn Trãi đã kể lại sự rối ren trong nước, khi họ Hồ "chính sự phiền hà", nhân dân lầm than, đau khổ rồi mang lòng oán hận với triều đại “lòng dân oán hận”. Nhân sự mâu thuẫn nội bộ của Đại Việt, quân Minh đã mưu kế xấu xa, muốn nhân cơ hội này để thực hiện những hành động phi nghĩa “Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa”. Một triều đại lớn mạnh như nhà Minh mà cũng “thừa cơ”, cách dùng từ của Nguyễn Trãi làm bật lên cái phi nghĩa của quân đội nhà Minh, đồng thời cũng thể hiện được cái tiêu nhân đê hèn trong hành động xâm lược ấy. Không chỉ lên án quân Minh mà nhà thơ còn vạch tội của những kẻ “bán nước cầu vinh”. Vì hành động bắt tay xâm lược của chúng đã đẩy nhân dân ta vào biết bao nhiêu tai họa. Nhà thơ đã sử dụng những động từ mạnh “nướng dân đen”, “vùi con đỏ” để vạch trần bản chất tàn nhẫn, độc ác của chúng.

“Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế

Gây binh kết oán trải hai mươi năm

Bại nhân nghĩa nát cả đất trời

Nặng thuế khóa sạch không đầm núi

Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng

Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng khốn rùng sâu nước đục

Vét sản vật, bắt chim trả, chốn chốn lưới chăng

Nhiều nhân dân, bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt

Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ”

Để mang lại lợi ích cho mình, quân giặc không từ một thủ đoạn, một hành động nhẫn tâm, tàn ác nào. Chúng không chỉ bắt dân ta nộp nhiều loại tô thuế mà còn bắt những người dân vô tội lên rừng xuống biển tìm cho chúng những món đồ quý giá. Cuộc sống của người dân vô cùng đau khổ, bi thương. Nhưng tiếng khóc của người dân chúng đâu thấy được, không chỉ người dân mà ngay cả những loài thú quý, hay những loài côn trùng, cây cỏ chúng cũng không buông tha.

“Bình ngô đại cáo” là một áng văn chính luận xuất sắc của dân tộc ta. Bài cáo vừa khẳng định hùng hồn, mạnh mẽ chủ quyền của dân tộc vừa thể hiện niềm tự hào

với truyền thống văn hóa cũng như truyền thống đấu tranh của dân tộc. Là lời cảnh cáo đanh thép với lũ quân xâm lược, với bọn bán nước. Như vậy, “Bình ngô đại cáo” xứng đáng là một áng “thiên cổ hùng văn”.

### ***Thuyết minh Bình Ngô đại cáo Ngữ Văn lớp 10 mẫu 7***

Bình Ngô đại cáo là áng “thiên cổ hùng văn” thể hiện thiên tài của Nguyễn Trãi, đỉnh cao về tư tưởng, và nghệ thuật của nền văn hiến Đại Việt trong thế kỉ XV. Cùng với Lam Sơn thực lục, Quân trung từ mệnh tập, Úc Trai thi tập, Quốc âm thi tập... Bình Ngô đại cáo đã làm cho ngôi sao Khuê trở nên chói sáng và lấp lánh ngàn thu.

Mùa xuân năm 1428, cuộc kháng chiến 10 năm chống quân Minh xâm lược hoàn toàn thắng lợi. Nguyễn Trãi đã thay lời Lê Lợi viết Bình Ngô đại cáo tổng kết cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc “nên công oanh liệt ngàn năm”, tuyên bố nước Đại Việt bước vào một kỉ nguyên mới độc lập bền vững, “muôn thuở nền thái bình vững chắc”.

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,  
Quân điều phạt trước lo trừ bạo.

Dấy quân khởi nghĩa vì thương dân, trừng phạt kẻ có tội (điều phạt), tiêu diệt bọn giặc tàn bạo, đem lại cuộc sống yên vui cho nhân dân (yên dân), đó là việc nhân nghĩa. Nhân nghĩa vẫn là học thuyết của Nho giáo đề cao đạo đức, tình nhân ái giữa con người với nhau. Nguyễn Trãi đã tiếp thu tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo theo hướng lấy lợi ích của nhân dân và của dân tộc làm gốc. Với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa là yêu nước, thương dân, phải đánh giặc để cứu nước, cứu dân; “triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi chẳng qua là lòng yêu nước thương dân: Cái nhân nghĩa lớn nhất là phân đấu đến cùng, chống ngoại xâm, diệt tàn bạo, vì độc lập của đất nước, hạnh phúc của nhân dân” (Phạm Văn Đồng). Trong nhiều bức thư gửi tướng tá giặc Minh, Nguyễn Trãi đã đứng trên lập trường nhân dân và dân tộc, nêu cao nhân nghĩa, vạch trần tội ác và bộ mặt giả nhân giả nghĩa của bè lũ chúng: “Nước mắt nhân dịp họ Hồ lồi đạo, mượn tiếng là “điều dân phạt tội”, kỳ thực làm việc bạo tàn, ăn cướp nước ta, bóc lột nhân dân tư, thuế nặng hình phiền, vợ vét của quý, dân mọn các làng không được sống yên. Nhân nghĩa mù lại thế ư?” (Lai thư trả lời Phương Chính).

Trên lập trường nhân nghĩa, Nguyễn Trãi đã khẳng định nền văn hoá Việt Nam, nền văn hiến Đại Việt và con người Việt Nam, một dân tộc văn minh, anh hùng. Lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng, Nguyễn Trãi đại diện cho đất nước chiến thắng đã nêu cao giá trị lớn lao của truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc ta:

Như nước Đại Việt ta từ trước,  
 Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,  
 Núi sông bờ cõi đã chia,  
 Phong tục Bắc Nam cũng khác  
 Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần, bao đời gây nền độc lập,  
 Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên,  
 Mỗi bên xưng đế một phương.  
 Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau

Song hào kiệt đời nào cũng có Nền văn hiến Đại Việt, nền “văn hoá Thăng Long” được hình thành, xây dựng và phát triển qua một quá trình lịch sử “đã lâu”, đã có “từ trước” đàng đẵng mấy nghìn năm. Đại Việt không chỉ có lãnh thổ chủ quyền “núi sông bờ cõi”, mà còn thuần phong mỹ tục mang bản sắc riêng, có lịch sử riêng, chế độ riêng “bao giờ gây nền độc lập”, đã từng “xung đế một phương”, có nhiều nhân tài, hào kiệt. Phải có mấy trăm năm độc lập dưới các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần..., phải có những trang sử vàng chói lọi (Lưu Cung thất bại, Triệu Tiết tiêu vong, Toa Đô, Ô Mã Nhi bị giết tươi, bị bắt sống...) phải có những con người “trí mưu tài thức” đã làm nên “thi thư” của Đại Việt, của nền văn minh sông Hồng, thì Nguyễn Trãi mới có thể viết nên những lời tuyên ngôn đĩnh đạc hào hùng như vậy. Nếu như bốn trăm năm về trước, trong Nam quốc sơn hà, Lý Thường Kiệt chỉ mới xác định được hai nhân tố về lãnh thổ và chủ quyền trên ý thức quốc gia và lập trường dân tộc, thì trong Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi đã bổ sung thêm bốn nhân tố nữa, đó là: văn hiến, phong tục, lịch sử và nhân tài. Điều đó cho thấy ý thức dân tộc của nhân dân ta đã phát triển trên một tầm cao mới trong thế kỉ XV, và đó cũng là tinh anh, tinh hoa của tư tưởng Nguyễn Trãi.

Năm 1407, nhà Minh sai Trương Phụ, Mộc Thạnh mang mấy chục vạn quân kéo sang xâm lược nước ta. Lúc đầu thì lấy cớ “phù Trần diệt Hồ”, nhưng sau đó, chúng đã chia đất nước ta thành quận huyện, thi hành một chính sách cai trị vô cùng độc ác:

Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây hoạ,

Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nguyễn Trãi đã căm giận lên án tội ác vô cùng dã man của “quân cuồng Minh”. Chúng đã tàn sát nhân dân ta một cách man rợ:

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,

Vùi con đỏ dưới hầm tai vạ. Sử sách còn ghi lại bao tội ác chòng chát của giặc Minh trong suốt một thời gian dài hơn hai mươi năm “dối trời lừa dân, đủ muôn nghìn kế”: rán mỡ người lấy dầu, rút ruột người treo lên cây, thui người trên giàn lửa, phanh thây đàn bà có thai... Chúng bắt nhân dân ta phải xuống biển mò ngọc

traí, lên rừng sâu đãi cát, tìm vàng, công nạp ngà voi, hươu đen, trả biếc,... Suu thuê chông chát, phu phen lao dịch nặng nề. Chúng đã tàn phá môi sinh, môi trường, dồn nhân dân ta vào bước đường cùng, vào hố diệt vong:

Bại nhân nghĩa nát cả đất trời,  
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi  
(...) Vét sản vật, bắt dò chim trả, chốn chốn lưới chăng,  
Nhiều nhân dân, bắt bầy hươu đen, nơi nơi cạm đặt  
Tồn hại cả giống côn trùng cây cỏ,

Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng... Đằng sau những hành động dã man, mưu mô xảo quyệt, là bộ mặt ghê tởm lũ ác ôn, bày quỷ sứ phương Bắc đang hoành hành trên xương máu, nước mắt, trên tính mạng và tài sản nhân dân ta: “Thằng há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bầy no nê chưa chán Tội ác của giặc Minh đối với nhân dân ta, không thể ghi hết tội, không thể rửa hết mùi dơ bẩn, trời đất không thể dung tha, người người đều căm giận”. Câu văn cảm thán của Nguyễn Trãi cất lên như một lời nguyện, chất chứa căm hờn, oán giận, xúc động lay tỉnh hồn người:

Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,

Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa hết mùi! Lấy trúc Nam Sơn, nước Đông Hải, cái vô hạn để nói về tội ác và sự nhơ bẩn của quân “cuồng Minh”, cái cùng cực, cái vô cùng, Nguyễn Trãi đã ghi sâu vào lòng người, vào bia miệng đến nghìn năm vẫn chưa phai. Nguyễn Trãi đã từng “tiễn cha lên ải Bắc...”, từng ném mặt nằm gai, là chứng nhân của lịch sử gọi vua nhà Minh hiếu chiến là “giảo đồng” (trẻ ranh, nhãi ranh), lũ tướng tá giặc Minh là đồ “nhút nhát”. Đó cũng là tiếng nói căm thù, khinh bỉ, là ý chí sắt đá chống quân xâm lược, chống lũ bành trướng phương Bắc tham tàn, hiếu chiến:

Thằng nhãi ranh Tuyên Đức động binh không ngừng,  
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy!

Lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là Lê Lợi. Trong bia Vĩnh Lăng, các bài thơ Hạ tiếp, Đề kiếm... đều có nói đến Lê Lợi, nhưng chỉ trong Bình Ngô đại cáo, Lê Lợi mới được thể hiện một cách tuyệt đẹp, tiêu biểu cho tinh hoa và khí phách của Đại Việt. Là một anh hùng của nhân dân giàu lòng yêu nước, nuôi chí lớn phục thù, phục quốc, đã từng nhiều năm mai danh ẩn tích đón đợi thời cơ:

Ta đây  
Núi Lam Sơn dấy nghĩa.

Chôn hoang dã nương mình. Con người ấy đã gắn bó với nhân dân, đã đau trong nỗi đau lầm than của dân tộc, đã “ném mặt nằm gai”, đã “đau lòng nhức óc suốt mấy chục năm trời”, quyết không đội trời chung với giặc:

Ngẫm thù lớn há đội trời chung,

Căm giặc nước thề không cùng sống. Con người ấy tiêu biểu cho trí tuệ Việt Nam, có một nhân quan lịch sử nhìn suốt thời gian và nắm chắc vận mệnh dân tộc:

Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,  
Ngẫm trước đến nay: lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.  
Những trần trọc trong cơn mộng mị,

Chỉ bữa khoản một nỗi đồ hồi. Ngày đầu khởi nghĩa, quân không quá 2.000 người, có lúc “cơm ăn thì sớm tối không được hai bữa, áo mặc thì đông hè chỉ có một manh... khí giới thì thật tay không” (Quân trung từ mệnh tập). Thế và lực, giữa ta và giặc vô cùng chênh lệch: “Vừa lúc cờ khởi nghĩa dấy lên - Chính lúc quân thù đang mạnh”. Khó khăn, thử thách chồng chất nặng nề. Ngặt nghèo nhất là thiếu nhân tài hào kiệt:

Tuần kiệt như sao buổi sớm,  
Nhân tài như lá mùa thu.  
Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần,

Nơi duy ác thiếu người bàn bạc. Người anh hùng áo vải Lam Sơn, một mặt “Cổ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả”, mặt khác nêu cao quyết tâm “gắng chí phục thù gian nan”, đồng cam cộng khổ với tướng sĩ, đoàn kết toàn dân để đánh giặc:

Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới,

Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào. Sức mạnh của nghĩa quân bắt nguồn từ sức mạnh vô tận của nhân dân, của lực lượng đông đảo “manh lệ chi đồ tứ tập”, của đoàn nghĩa sĩ “phụ tử chi binh nhất tâm”. Điều đó cho thấy cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là một cuộc chiến tranh nhân dân do người anh hùng áo vải lãnh đạo. Sức mạnh của nhân dân, tài năng xuất chúng của lãnh tụ là nguồn gốc của chiến thắng. Người anh hùng ấy là một thiên tài quân sự “sách lược thao suy xét đã tinh... lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ”. Người anh hùng ấy đã phát huy tinh hoa nền quân sự Việt Nam, để chỉ đạo chiến tranh, phát huy mọi tiềm năng của dân tộc, của tướng sĩ để chiến đấu và chiến thắng:

Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh,

Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều. Có thể nói, cảm xúc trữ tình trong Bình Ngô đại cáo được thể hiện qua hình ảnh Lê Lợi, người anh hùng nghĩa quân Lam Sơn. Lê Lợi vừa bình dị, vừa vĩ đại, vị cứu tinh của đất nước xuất hiện và ném trái bao cay đắng làm than cùng nhân dân, từ máu đổ xương tan mà “nên công oanh liệt ngàn năm”. Nguyễn Trãi đã có sự nhập thân, hóa thân kì diệu khi thể hiện tài trí, khí phách và tâm vóc vĩ đại của Lê lợi, một mặt nêu cao lòng tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hiến Việt Nam, mặt khác cũng thể hiện nhân cách, chí hướng, tài trí và tâm huyết của mình. Với cảm hứng anh hùng và cảm xúc trữ tình, Nguyễn Trãi đã dành những câu văn, đoạn văn đẹp nhất khi khắc họa hình ảnh vị lãnh tụ nghĩa quân Lam Sơn.

Nguyễn Trãi đã dành phần lớn bài đại cáo nói về diễn biến cuộc đấu tranh vũ trang và quá trình phản công của nghĩa quân Lam Sơn. Phần thứ tư này như những trang ký sự chiến trường mang giọng điệu hào hùng, mạnh mẽ. Sức mạnh nhân nghĩa, ấy là đại nghĩa, là chí nhân đã đè bẹp và nghiền nát giặc Minh hung tàn, cường bạo. Lời văn sang sảng cất lên:

Dem đại nghĩa để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân để thay cường bạo. Có vượt qua những thử thách nặng nề “Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần - Khi Khôi Huyện quân không một đội”, nghĩa quân mới trưởng thành trong máu lửa. Quân ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng lớn. Chiến công nối tiếp chiến công, thế đánh như “trúc chẻ cho bay”, như “sấm vang chớp giạt” giáng xuống đầu quân xâm lược. Cảnh tượng chiến trường vô cùng rùng rợn, máu giặc chảy thành sông, xác giặc chất cao như núi:

Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm,

Tụy Đông thây chất đầy nội, nhơ đê ngàn năm. Trên đà chiến thắng “Sĩ khí đã hăng - Quân thanh càng mạnh”, nghĩa quân tiến công trên quy mô rộng lớn, giải phóng những vùng chiến lược quan trọng: “Tây Kinh quân ta chiếm lại... Đông Đô đất cũ thu về”. Giặc đã thảm bại “trí cùng lực kiệt”, lũ tướng Thiên triều, đưa thì “nghe hơi mà mất vía”, thẳng thì “nín thở cầu thoát thân”, Trần Hiệp “phải bêu đầu”, Lý Lượng “đành bỏ mạng”.

Chiến cục Chi Lăng - Xương Giang - Bình Than vào mùa thu năm 1427 diễn ra vô cùng ác liệt. Quân ta làm chủ chiến trường đã “điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong”, đã “sai tướng chen đường, tuyệt nguồn lương thực”, đã dồn 15 vạn viện binh giặc vào tử địa. Liễu Thăng cụt đầu, Lương Minh đại bại tử vong, thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn. Hàng chục vạn giặc bị tiêu diệt hoặc bị bắt sống:

Lạng Giang, Lạng Sơn thây chất đầy đường,

Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước. Đạo quân Vân Nam bị quân ta chặn đánh ở Lê Hoa “nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật”, quân Mộc Thạnh đại bại ở Cần Trạm “xéo lên nhau chạy để thoát thân”. Sông suối bao la một vùng biên giới tây bắc ngập đầy máu giặc:

Suối Lãnh Cẩu, máu chảy trôi chày, nước sông nghẹn ngào tiếng khóc

Thành Đan Xá, thân chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen. Đây là tướng sĩ của nghĩa quân Lam Sơn: “Sĩ tốt kén tay tì hổ - Bè tôi chọn kẻ vuốt nanh.” Và đây là hình ảnh bọn tướng tá Thiên triều trong tình hình “quân cô, lực kiệt, viện tuyệt, thế cùng”:

Đô đốc Thôi Tụ lê gôi dăng tờ tạ tội,

Thượng thư Hoàng Phúc trối tay để tự xin hàng. Bình Ngô đại cáo là một bản tổng kết chiến tranh 10 năm. Tác giả đã tái hiện lại toàn bộ diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu cờ nghĩa mới phát lên, trải qua những chặng đường máu lửa, trưởng thành trong thử thách hy sinh, giành thế chủ động chiến lược, tiến lên đánh bại hoàn toàn quân xâm lược. Nghệ thuật miêu tả các trận đánh dùng lối đặc tả, rất biến hoá, lúc ghi lại hình ảnh thảm bại, thảm họa của lũ tướng tá Thiên triều, lúc thì miêu tả cảnh chiến trường rùng rợn. Kết cấu tương phản đối lập được tác giả vận dụng sáng tạo để làm nổi bật giữa ta và địch, chính nghĩa và phi nghĩa, đại thắng và đại bại... Cách dùng từ, sáng tạo hình ảnh, các biện pháp đối xứng và thậm xưng cho thấy một bút pháp nghệ thuật kỳ tài, tạo nên âm điệu anh hùng ca. Bình ngô đại cáo là khúc ca thắng trận vô cùng oanh liệt, cho ta bao xúc động tự hào:

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,  
Voi uống nước, nước sông phải cạn.  
Đánh một trận, sạch không kinh ngạc,

Đánh hai trận, tan tác chim muông... Qua Bình Ngô đại cáo, ta thấy Lê Lợi là một nhà chiến lược vĩ đại đã biết phát động chiến tranh khi thời cơ đã chín mùi, khi mà tội ác quân cuồng Minh “Lẽ nào trời đất dung tha - Ai bảo thần dân chịu được? Trải qua bao năm tháng! Lẽ hưng phế dẫn đo càng kỹ”, “Sách lược thao suy xét đã tinh”, Lê Lợi mới phát cờ khởi nghĩa. Lãnh tụ nghĩa quân Lam Sơn đã có tài chỉ đạo chiến tranh đánh cho lũ giặc Minh đại bại:

Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,



Quân giặc các thành khôn đôn, cỡi giáp ra hàng. Chính trong điều kiện chiến trường đó, Lê Lợi đã kết thúc chiến tranh, đã “mở đường hiếu sinh” trao trả cho nhà Minh hàng chục vạn tù binh:

Họ đã tham sống sợ chết mà hoà hiếu thực lòng

Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức. Khởi nghĩa để “trừ bạo” và “yên dân”, kết thúc chiến tranh để chấm dứt đổ máu, để bảo vệ “toàn quân”, “để nhân dân nghỉ sức”. Nguyễn Trãi với niềm tự hào chiến thắng đã ca ngợi “đại nghĩa” và “chí nhân” của dân tộc ta. Đại Việt là một nước văn hiến lâu đời, rất nhân đạo và yêu chuộng hoà bình.

Kết thúc bài đại cáo là một khúc ca khải hoàn vang lên hướng về ngày mai tươi sáng của Đại Việt - một nước văn hiến:

Xã tắc từ đây vững bền,  
Giang sơn từ đây đổi mới  
Càn khôn bĩ mà lại thái  
Nhật nguyệt hối mà lại minh

Muôn thuở nền thái bình vững chắc. Như một quy luật tất yếu: “bí mà lại thái”, “hối mà lại minh”, đất nước ta sau 20 năm trời bị quân cuồng Minh “đổi trời, lừa dân..., gây binh kết oán” nay đã sạch bóng quân xâm lược, “ngàn năm vết nhục nhã sạch lâu”. Tổ quốc Đại Việt bước vào một kỉ nguyên mới độc lập, hoà bình, thịnh vượng trong “vững bền”, hướng về “đổi mới”, và “vững chắc” đến muôn đời. Giọng văn đĩnh đạc hào hùng, đầy tự hào tin tưởng, thể hiện khát vọng hòa bình, độc lập và hạnh phúc của nhân dân ta. Sự nghiệp “Bình Ngô” mà đại thắng là nhờ sức mạnh chính nghĩa, nhân nghĩa và truyền thống yêu nước, anh hùng của dân tộc ta. Đó là nguồn gốc, là nguyên nhân sâu xa làm nên chiến thắng. Sự nghiệp “bình Ngô” là trang sử vàng chói lọi, là “Một cỗ nhung y chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm...”

Trong chiến tranh, Nguyễn Trãi là một mưu sĩ “tâm công” cánh tay phải đắc lực của Lê Lợi, là người “viết thư thảo hịch tài giỏi hơn hết một thời” (Lê Quý Đôn). Thư từ gửi tướng tá giặc Minh của ông “có sức mạnh như mười vạn quân” (Phan Huy Chú). Nguyễn Trãi đã cùng Lê Lợi làm nên sự nghiệp “bình Ngô” là người đã thảo ra Bình Ngô đại cáo, bản tuyên ngôn độc lập, hòa bình của Đại Việt trong thế kỉ XV.

Bình Ngô đại cáo cho ta thấy một bút lực và tài học vô song của Ức Trai. Cáo là một thể văn cổ điển rất trang nghiêm, để thông báo cho toàn dân một sự kiện quan trọng. Sự nghiệp “bình Ngô” kéo dài trong 10 năm trời. Quân và dân ta trải qua

muôn vàn gian lao thử thách, lập bao chiến công lẫy lừng... từ những tháng năm làm than đến ngày toàn thắng “bốn phương biển cả thanh bình”, thế mà Nguyễn Trãi đã viết một cách hàm súc: bài đại cáo chỉ dài 1343 chữ. Cảm hứng nhân nghĩa, cảm hứng anh hùng và khát vọng độc lập, hoà bình đã tạo nên tâm vóc văn chương, màu sắc sử thi của bài đại cáo bình Ngô, bản anh hùng ca Đại Việt. Ngòi bút nghệ thuật của Nguyễn Trãi rất biến hóa trong miêu tả và tự sự, trong trữ tình và bình luận, vừa sắc sảo và thâm thúy, vừa đa thanh; lúc thì đĩnh đạc, hào hùng, trang nghiêm, lúc thì thâm thiết căm giận, lúc thì mạnh mẽ, hùng tráng... Đất nước và con người Đại Việt được nói đến trong bài đại cáo là một đất nước, một nhân dân văn hiến, anh hùng.

### ***Bài văn mẫu lớp 10 Thuyết minh Bình Ngô đại cáo mẫu 8***

Nguyễn Trãi là một nhà quân sự lỗi lạc, một nhà quân sự tài ba, không những thế ông còn là một nhà thơ, nhà văn kiệt xuất của cả dân tộc. Nguyễn Trãi đã để lại cho nền văn học nước nhà một khối lượng tác phẩm đồ sộ, trong số đó phải kể đến “Bình Ngô đại cáo”. Đây là bài cáo mà Nguyễn Trãi viết thay vua Lê Thái Tổ để tuyên cáo rộng rãi trong nhân dân về quá trình kháng chiến và thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Về mặt cấu trúc, tác phẩm có thể chia thành bốn phần. Phần 1 là nêu luận đề chính nghĩa (Từ đầu đến “chúng có còn ghi”), phần 2 là phần tố cáo tội ác, vạch trần âm mưu xâm lược Đại Việt với cơ phù Trần diệt Hồ của giặc (Tiếp theo phần 1 đến “Ai bảo thần dân chịu được”), phần 3 là quá trình kháng chiến và sự thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn (Tiếp theo phần 2 đến “cũng là chưa thấy xưa nay”), phần 4 là phần nêu ra bài học lịch sử và sự khẳng định chính nghĩa sẽ thắng phi nghĩa (phần còn lại).

Ở phần mở đầu tác giả nêu lên triết lí về nhân nghĩa, một triết lí có giá trị lịch sử và tâm vóc của thời đại. Trong thơ Nguyễn Trãi, vấn đề “nhân nghĩa” không đơn giản chỉ là sự yêu thương giúp đỡ lẫn nhau mà nó đã được nâng lên và thể hiện trong hành động cụ thể:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân  
Quân điều phạt trước lo trừ bạo”

Đối với Nguyễn Trãi, việc trước hết là “trừ bạo” để nhân dân có được một cuộc sống yên ổn, ấm no, hạnh phúc. Ông cho rằng nếu muốn trị vì thiên hạ thì việc phải nghĩ đến đầu tiên chính là “nhân nghĩa”. Những câu thơ tiếp theo tác giả muốn nói về nước Đại Việt của chúng ta:

“Nhu nước Đại Việt ta từ trước  
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu  
...  
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau  
Song hào kiệt đời nào cũng có”

Trong những câu thơ trên Nguyễn Trãi cho rằng “nhân nghĩa” đã có từ lâu đời ở nước ta, đồng thời khẳng định chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc được thể hiện ở việc núi sông bờ cõi đã được phân chia rõ ràng. Vì đã được phân chia nên việc hình thành những phong tục tập quán cũng có nhiều khác biệt tuy nhiên vẫn có điểm chung là sự tồn tại song song của các triều đại lịch sử. Lời thơ như một lần khẳng định lại nội dung của “Nam quốc sơn hà” – được coi như bản tuyên ngôn đầu tiên của dân tộc:

“Sông núi nước Nam vua Nam ở  
Rành rành định phận tại sách trời  
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm  
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”

Chính vì đã có những hành động xâm chiếm nước ta nên họ phải chuốc lấy hậu quả:

“Lưu Công tham công nên thất bại  
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong  
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô  
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã”

Những kết cục như thế này đều tự do chính họ chuốc lấy vì thông qua bài tuyên ngôn đầu tiên đã như một lời cảnh cáo nhưng họ vẫn cố tình thực hiện. Ở phần thứ hai, tác giả đã nêu ra những tội ác của giặc và vạch rõ bộ mặt thật của giặc đằng sau lớp vỏ ngụy tạo “phù Trần diệt Hồ”:

Từ việc:

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn  
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”

Cho đến việc chúng bắt nhân dân phải xuống biển mò ngọc trai lên rừng sâu đi tìm vàng, phải đổi mặt với “rừng thiêng nước độc” và muôn vàn khó khăn nguy hiểm, rồi đến sưu thuế chồng chất, phu phen lao dịch nặng nề. Chúng hành hạ nhân dân ta đủ mọi đường “thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán”, sự độc ác và tàn nhẫn khiến tác giả phải thốt lên:

“Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội  
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi”

Giữa lúc ấy, nghĩa quân Lam Sơn đã dấy lên tinh thần yêu nước và tiến hành cuộc khởi nghĩa:

“Núi Lam Sơn dấy nghĩa  
Chôn hoang dã nương mình  
Ngã thù lớn há đội trời chung  
Căm giặc nước thề không cùng sống”

Căm phẫn trước tội ác của giặc, bóc lột nhân dân đủ đường khiến nhân dân lầm than cực khổ khiến người lãnh đạo là Lê Lợi và nghĩa quân mất ăn, mất ngủ, quyết tâm chiến đấu với tất cả tinh thần vì độc lập nước nhà:

“Căm giặc nước thề không chung sống  
Đau lòng nhức óc chốc đà mười mấy năm trời  
Ném mật nằm gai há phải một hai sớm tối  
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh”

Tinh thần và lòng quyết tâm đã dâng cao như núi nhưng chỉ còn lo một nỗi về việc tìm kiếm “nhân tài” và “hào kiệt”, đây là một việc khó vì theo tác giả:

“Hào kiệt như sao buổi sớm  
Nhân tài như lá mùa thu”

Trong khi đó, nghĩa quân vừa dấy quân khởi nghĩa vẫn còn non nớt, thiếu thốn về mọi mặt như lương thực “Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần”, quân sĩ “Lúc Khôi Huyện quân không một đội”, còn quân thù thì đang rất mạnh, đây chính là khó khăn của chúng ta và cách khắc phục duy nhất chính là sự đồng lòng của toàn bộ nghĩa quân “Tướng sĩ một lòng phụ tử/ Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Lê Lợi “lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều” và triết lý “Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn/ Lấy chí nhân để thay cường bạo” cùng với sự dũng cảm, gan dạ của binh sĩ, nghĩa quân Lam Sơn ngày một trưởng thành và lớn mạnh “sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh”, kết quả là nghĩa quân giành được nhiều chiến thắng vang dội “Đánh một trận sạch không kình ngạc/ Đánh hai trận tan tác chim muông”, còn giặc Minh thì phải chấp nhận những thất bại liên tiếp và những tên tướng đều có kết thúc thật bi thảm:

“Ngày mười tháng tám, trận Chi Lăng  
Liễu Thăng thất thế  
Ngày hai mươi, trận Mã Yên

Liễu Thăng cụt đầu  
Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong  
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn”

Tác giả đã ghi lại chi tiết từng mốc thời gian như những mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc nhưng lại là vết nhơ, nỗi nhục nhã đối với giặc Minh.

Mặc dù tội ác của giặc mãi mãi không thể rửa sạch nhưng quân ta vẫn trợ cấp cho giặc để về nước khi đã bại trận:

“Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền  
Ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc  
Vương Thông, Mã Anh phát cho vài nghìn cỗ ngựa  
Về đến nước mà vẫn tim đập chân run”.

Hành động này thể hiện truyền thống nhân nghĩa từ lâu đời của dân tộc ta, một lần nữa khẳng định lời của Nguyễn Trãi:

“Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn  
Lấy chí nhân để thay cường bạo”

Phần cuối của tác phẩm đã nêu ra bài học lịch sử quý báu về ý thức độc lập chủ quyền và vấn đề nhân nghĩa, đồng thời khẳng định sự thắng lợi của cuộc chiến tranh chính nghĩa:

“Xã tắc từ đây vững bền  
Giang sơn từ đây đổi mới

...

Ầu cũng nhò trời đất tỏ tong  
Linh thiêng đã lặng thâm phù trợ”

“Bình Ngô đại cáo” có ý nghĩa như một bản Tuyên ngôn độc lập của dân tộc, vừa tố cáo tội ác của giặc Minh vừa khẳng định được độc lập chủ quyền dân tộc, là minh chứng hùng hồn cho cuộc chiến thắng của nhân dân ta. Đã một thời gian dài trôi qua, nhưng giá trị của bài cáo vẫn tồn tại vĩnh hằng và Nguyễn Trãi – nhà quân sự tài ba, nhà chính trị lỗi thời, nhà thơ, nhà văn xuất sắc sẽ sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.